

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2017/HSPT

Ngày: 28/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương C Huân

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Kim Loan
2. Ông Đặng Hồng Sơn

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Võ Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét
xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 305/2017/HSPT ngày 29/5/2017 đối với bị
cáo Nguyễn Thị A do có kháng cáo của người bị hại đối với bản án hình sự sơ
thẩm số 49/2017/HSST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành
phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị A**; giới tính: Nữ; sinh năm 1979 tại tỉnh Bình
Định; nơi đăng ký thường trú: thôn 14, xã K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú:
thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: (không có); trình độ văn hóa:
3/12; con ông L và bà D; hoàn cảnh gia đình: chồng tên T (đã ly hôn), có 3 con,
con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: (không có);

Bắt, tạm giam: 20/02/2012;

Thay đổi biện pháp tạm giam bằng cấm đi khỏi nơi cư trú: 20/6/2012;

Bắt, tạm giam lại: 02/3/2016;

Thay đổi biện pháp tạm giam bằng cấm đi khỏi nơi cư trú: 02/7/2017;

Tổng số ngày đã tạm giữ, tạm giam là 1 năm 8 tháng.

Người kháng cáo:

Người bị hại: Bà **Đặng Thị Thùy N**; sinh năm 1959; nơi đăng ký thường trú: 92 đường NTT, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú: 357/8 đường NTT, Phường Z, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trịnh Bá Thân**, luật sư Văn phòng luật sư Trịnh Bá Thân, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi của người bị hại:

-Bà **Nguyễn Thị Oanh**, luật sư Văn phòng luật sư Chân Lý, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

-Ông **Trần Phú Nhuận**, luật sư của C ty luật hợp danh anh em luật sư tại Cần Thơ, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 09/02/2015 của Viện kiểm sát nhân dân quận Quận Y và bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị A là người giúp việc nhà cho bà Đặng Thị Thùy N, ngụ tại căn hộ số 005, Lô C, Chung cư NTT, Phường Z, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 15/01/2009, bà N có nhờ A chở đi chợ Hồ Thị Kỷ, Quận 10 bằng xe mô tô biển số 51F6-2628. Khi đến nơi, bà N bảo A đứng ngoài chờ, bà N đi vào chợ mua đồ. Trong lúc bà N vào chợ mua đồ, A chạy xe về nhà bà N, đi vào phòng ngủ của bà N thì phát hiện chìa khóa tủ còn cắm trong ổ khóa. A mở tủ thì phát hiện có 1 túi xách, trong túi xách có 1 lượng vàng SJC loại 9999 và 2.000.000đ để trong túi xách. A lấy trộm số tài đã nêu, đồng thời lấy Giấy chứng minh nhân dân của A mà trước đó bà N giữ của A. Sau đó, A bỏ đi chơi với một người tên Tuấn (chưa xác định được lai lịch).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 44/BB-HĐĐG ngày 13/6/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận Y xác định 1 lượng vàng SJC tại thời điểm tháng 01/2009 có trị giá 17.430.000đ.

Trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu;

Người bị hại là bà Đặng Thị Thùy N thì cho rằng bị cáo đã lấy trộm của bà 120 lượng vàng SJC (loại 999.9), 26.000.000đ và 3.000USD, đồng thời yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn toàn bộ số tài sản vừa nêu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị A đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự),

Xử phạt Nguyễn Thị A 1 (một) năm 8 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2016, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2012 đến ngày 20/6/2012.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 608, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự.

Buộc Nguyễn Thị A có trách nhiệm bồi thường cho bà Đặng Thị Thùy N 1 lượng vàng SJC = 36.850.000đ (tỉ giá vàng đăng trên báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 19/4/2017) và 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của bị cáo và người bị hại, nghĩa vụ chậm thi hành án, xử lý tài sản do bị cáo tự nguyện giao nộp.

Ngày 27/4/2017, bà Đặng Thị Thùy N có đơn kháng cáo với nội dung:

-Việc Cơ quan Điều tra Công an Quận Y tiến hành điều tra vụ án là trái thẩm quyền nhưng Tòa án Quận Y không đề cập;

-Tòa án Quận Y không làm rõ mâu thuẫn trong hoạt động tố tụng của Công an Quận Y, cụ thể đó là trưng cầu định giá tài sản 120 lượng vàng SJC nhưng Kết luận điều tra lại cho rằng bị cáo chỉ trộm cắp 1 lượng vàng SJC và 2.000.000đ;

-Hội đồng xét xử không đảm bảo nguyên tắc làm rõ sự thật khách quan, bản chất của vụ án.

-Không đảm bảo quyền của người bị hại khi không triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Thanh X, ông Đặng Thanh Tr và bà Nguyễn Thị G nhằm làm rõ có đồng phạm hay không trong vụ án.

-Trong quá trình tố tụng, bà N đã nhiều lần yêu cầu làm rõ mối liên hệ giữa tài sản bất minh của ông Đặng Thanh Tr (chồng đã hôn của bị cáo) với hành vi của bị cáo A, việc tẩu tán và xóa dấu vết phạm tội của bị cáo và những người giúp sức cho bị cáo. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân Quận Y đã bỏ qua, không đề cập. Tòa án nhân dân Quận Y đã không đúng khi thống nhất với quan điểm của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát khi cho rằng không có căn cứ để đưa ông Tr tham gia vụ án; không kê biên tài sản của ông Tr khi ông Tr khai tài sản do đánh bạc mà có.

-Tòa án cấp sơ thẩm bắt chấp những tình tiết, sự kiện khách quan, những mâu thuẫn trong sai phạm tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát để cho rằng bị cáo A chỉ trộm 1 lượng vàng SJC và 2.000.000đ trên cơ sở căn cứ vào lời khai duy nhất của bị cáo, trong khi lời khai của bị cáo mâu thuẫn với lời khai người bị hại, mâu thuẫn với lời khai của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T và bà Phạm Thị R, mâu thuẫn với chính lời khai của bị cáo và những người có liên quan.

Vì các lý do đã nêu, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

-Hủy bản án sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;

-Chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra theo thẩm quyền.

-Yêu cầu làm rõ đồng phạm trong vụ án;

-Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam bị cáo A để phục vụ điều tra;

-Kê biên tài sản của ông Tr và bị cáo A có nguồn gốc do phạm tội mà có để đảm bảo việc bồi thường cho người bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Đặng Thị Thùy N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo A thì khẳng định chỉ lấy trộm của bà N 1 lượng vàng SJC và 2.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Cơ quan điều tra chưa làm rõ về lời khai mâu thuẫn của bà N về số tài sản bị mất, nguồn gốc số vàng mà bà N khai bị mất trộm; bị cáo có gửi tiền cho ông X (cha ông Tr) hay không; tại sao Ủy ban nhân dân huyện H lại hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị cáo và ông Tr; lý do có sự thay đổi về tài sản của ông Tr vào thời điểm sau khi bị cáo phạm tội. Do vậy, đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Luật sư Nguyễn Thị Oanh và luật sư Trần Phú Nhuận phát biểu ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại như sau: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã có vi phạm tố tụng, chưa làm hết trách nhiệm, dẫn đến việc vụ án đi vào bế tắc; nội dung kháng cáo của bà N là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

Luật sư Trịnh Bá Thân bào chữa cho bị cáo như sau: Những nội dung mà bị hại và các luật sư nêu ra đã được Cơ quan điều tra làm rõ; các cơ quan tố tụng đã làm hết trách nhiệm. Do vậy, kết quả điều tra tới đâu thì xử lý tới đó. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, các luật sư, bị cáo và người bị hại,

XÉT THẤY:

Bị cáo Nguyễn Thị A là người giúp việc cho bà Đặng Thị Thùy N, cư trú tại căn hộ 005, Lô C, Chung cư NTT, Phường Z, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 15/01/2009, bị cáo A chở bà N đến chợ Hồ Thị Kỷ, Quận 10 bằng xe mô tô biển số 51F6 – 2628 của bà N. Khi đến nơi, bà N vào trong chợ mua đồ còn A đứng bên ngoài chờ. Sau khi mua đồ xong, bà N quay ra không thấy A nên đi về nhà thì thấy chiếc xe mô tô 51F6–2628 để ở trong nhà. Bà N đi lên lầu, vào phòng ngủ kiểm tra thì phát hiện bị mất trộm một số tài sản để trong túi xách để trong tủ và Giấy chứng minh nhân dân của A mà trước đó bà cất giữ. Bà N gọi điện thoại cho A nhưng A tắt máy.

Do nghi ngờ A trộm cắp nên bà N đã đến Công an Phường Z, Quận Y trình báo, theo đơn trình báo (không ghi ngày) của bà N, bà N cho biết bị mất 120 lượng vàng SJC, 3000USD, 25.000.000đ; số vàng đã nêu có nguồn gốc do bà N mượn của người thân để giải chấp căn nhà thế chấp ở Ngân hàng. Theo biên bản ghi nhận vụ việc do Công an Phường Z, Quận Y lập lúc 13 giờ 30 phút ngày 15/01/2009, bà N khai báo việc mất trộm nhưng không khai rõ bị mất tài sản sản gì (bl.55).

Đến khoảng 13 giờ 45 phút ngày 15/01/2009, Công an Phường Z, Quận Y lấy lời khai của bà N, bà N khai bị mất trộm 120 lượng vàng SJC, 3000USD và 26.000.000đ; vàng có nguồn gốc do bà N mua ở tiệm vàng Ngọc Anh ở đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận Y (bl.77).

Ngày 20/01/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận Y tiến hành khám xét nơi ở của A ở Đắc Lắc nhưng không thu hồi được tài sản gì (bl.42)

Ngày 10/02/2009, Công an Quận Y ghi lời khai của bà N, bà N khai mua 120 lượng vàng (đã bị mất) ở tiệm vàng Kim Trang và Ngọc Tú ở Chung cư Nguyễn Đình Chiểu (bl.82).

Ngày 22/6/2009, Công an thị trấn K, huyện E lấy lời khai của bị cáo A, A khai rằng A đã ly hôn với Tr, không còn sống chung với Tr, bị cáo không có tiền để mua nhà, đất.

Ngày 10/9/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận Y ban hành Quyết định khởi tố vụ án số 163CSĐT(TTXH) để tiến hành điều tra.

Ngày 10/12/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận Y ban hành Quyết định tạm đình chỉ điều tra số 132CSĐT(TTXH) do đã hết thời hạn điều tra nhưng không xác định bị can trong vụ án.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận Y đã tiến hành làm việc và đấu tranh với A nhưng A không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của N.

Ngày 08/6/2010, Công an Quận Y ghi lời khai bà N, bà N khai mất 120 lượng vàng SJC, 3.000USD, 26.000.000đ (84)

Đến ngày 03/3/2011, bà N làm đơn tố cáo A về hành vi trộm cắp tài sản và cho biết A có nhiều tài sản bất minh, trong đó có việc A và ông Đặng Thanh Tr (chồng A nhưng đã ly hôn với A vào năm 2008 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 30/2008/LHST ngày 27/5/2008 của Tòa án nhân dân huyện E) đã mua đất của vợ chồng ông Nguyễn Bá C bà Nguyễn Thị T ở Thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Công an Quận Y tiến hành xác minh thì xác định được như sau: Ngày 27/02/2009, Tr và A có ký hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất số 259, tờ bản đồ số 3, xã H, huyện H, tỉnh Đắk Lắk của ông C, bà T với giá 830.000.000đ; thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất, A và Tr và đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM676289 ngày 24/3/2009. Ngày 01/12/2009 (trong khi vụ án đang được điều tra), A làm đơn trình bày cho rằng phần đất đã nêu là tài sản riêng của ông Tr nên Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành Quyết định số 4501/QĐ-UBND ngày 08/12/2009, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vừa nêu với lý do “*bỏ tên người thừa kế là Nguyễn Thị A*”. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện H cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân ông Tr.

Ngày 30/11/2011, Công an Quận Y ghi lời khai bà N, bà N khai mất 120 lượng vàng, 4.000USD, 26.000.000đ (bl.88).

Ngày 11/01/2012, Ngày 18/02/2012, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận Y ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án.

Ngày 18/02/2012, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận Y tiến hành khám xét nơi ở của A tại thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh Đắk Lắk và thu giữ được tại đây Giấy chứng minh nhân dân của A (Giấy chứng minh này bà N đã giữ của A khi A đến làm việc cho bà N vào năm 2009 nhưng khi lấy trộm tài sản của bà N, bị cáo A đã lấy lại)(bl.22).

Ngày 20/02/2012, bị cáo A bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận Y bắt, tạm giam.

Vào ngày 20/02/2012 và ngày 18/6/2012, Công an Quận Y ghi lời khai của bà N, bà N khai bị mất trộm 120 lượng vàng SJC, 4.000USD và 26.000.000đ (bl.90, 92).

Trong quá trình điều tra,

Bị cáo A khai rằng: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 15/01/2009, sau khi đưa bà N đến chợ Hồ Thị Kỷ, Quận 10, A quay về nhà bà N, lên trên lầu, vào phòng ngủ của bà N, phát hiện thấy chìa khóa tủ còn cắm ở ổ khóa, A lết lút mở

tủ lấy trộm 1 lượng vàng SJC và 2.000.000đ để trong túi xách, đồng thời lấy lại Giấy chứng minh nhân dân của A. Sau khi lấy trộm tài sản của bà N, A trốn đi chơi với một người đàn ông tên Tuấn (không rõ lai lịch). Đến gần tết âm lịch (tết nguyên đán) năm 2009, A quay về nhà ở thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk sinh sống cùng với người chồng đã ly hôn trước đó là Đặng Thanh Tr. A đã bán 1 lượng vàng trộm cắp được cho tiệm vàng Minh Hứa ở Đắk Lắk.

Ngày 14/5/2012, Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk lấy lời khai của bà Trần Thị P, bà P khai nhận là vợ của chủ tiệm vàng Minh Hứa và cho biết rằng do sự việc đã lâu nên bà không thể nhớ việc có mua vàng của A hay không (bl.121).

Bà N thì khẳng định rằng đã bị mất trộm 120 lượng vàng, 3.000USD, 26.000.000đ; vàng có nguồn gốc mua của tiệm vàng Minh T. Để chứng minh cho lời khai của mình, bà N có cung cấp tài liệu viết tay không có tiêu đề ghi ngày 14/01/2008 có nội dung ghi “*T Vàng Ngọc Tú có nhận cọc 100.000.000đ mua 300 lượng vàng SJC với giá 17.200.000đ*”, cuối tài liệu có chữ ký của người viết tài liệu này và ghi tên Dương Đình O (bl.231).

Trong quá trình điều tra, bà N có cung cấp cho Cơ quan điều tra các số điện thoại 01697840075, 01673509672, 0984451142 và cho rằng vào thời điểm thực hiện việc trộm cắp, A đã liên lạc với các số điện thoại này.

Ngày 29/5/2012, Cơ quan điều tra lấy lời khai của bà Phan Thị Thanh Thúy, chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Ngọc Tú (Doanh nghiệp Ngọc Tú), bà Thúy cho biết Doanh nghiệp Ngọc Tú đã giải thể vào tháng 9/2010 nên không còn lưu giữ sổ sách, chứng từ mua bán. nhưng bà Thúy khẳng định không có việc giao nhận 300 lượng vàng với bà N. Đồng thời, bà Thúy cho biết ông O là em họ bà Thúy, là nhân viên làm trong Doanh nghiệp Ngọc Tú khi Doanh nghiệp còn hoạt động (nhưng không ký hợp đồng lao động); ông O ở thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nhưng bà Thúy không biết nhà (bl.123).

Ông Nguyễn Bá C (người làm chứng, hiện đã chết) thì khai trình rằng A có kể chuyện trộm cắp tài sản của bà N cho ông, vợ ông và bà Phạm Thị R nghe. A kể là đã trộm được của bà N “*90 hay 99 lượng vàng (ông nghe không rõ), 2000USD và hơn hai mươi mấy triệu đồng*”.

Bà T khai rằng vào buổi trưa ngày 10/01/2010 (âm lịch), A có ẵm con sang nhà bà T ở Thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh Đắk Lắk để chơi tết. Lúc này, trong nhà bà T có ông C (chồng bà T), bà R và ông Tr (chồng của A). Trong lúc ngồi chơi, A có kể cho bà T và bà R nghe chuyện A trộm cắp tài sản của người khác. Khi được hỏi trộm ở đâu, bao nhiêu tiền thì A nói trộm của bà N 99 lượng vàng, 26.000.000đ và 2000USD hoặc 3000USD gì đó (lúc đó, A nói là tiền “đô” nhưng 2000 hay 3000 thì bà T không nhớ chính xác)(bl.359).

Bà R trình bày rằng: Vào khoảng 20 giờ đến 20 giờ 30 phút ngày 10/01/2010 (âm lịch), bà R đến nhà ông C, bà T thì có gặp bị cáo A. A có kể

cho ông C, bà T và bà R nghe rằng A lấy trộm 99 cây vàng của một bà ở Sài Gòn (bl.360).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã cho tiến hành đối chất giữa bị cáo với người bị hại và những người làm chứng nhưng bị cáo vẫn khẳng định rằng bị cáo chỉ trộm của bà N 1 lượng vàng SJC và 2.000.000đ; bà N thì khẳng định bị mất trộm 120 lượng vàng SJC, 3.000USD và 26.000.000đ; những người làm chứng thì vẫn xác nhận nội dung đã khai là đúng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra cũng nhiều lần lấy lời khai của ông Đặng Thanh Tr yêu cầu khai trình về nguồn gốc số tiền dùng để mua đất của vợ chồng ông C nhưng Tr khai không rõ ràng, có mâu thuẫn, không thống nhất, thậm chí còn khai do đánh bạc mà có.

Bị cáo A và ông Tr cũng khai trình không hợp lý và không thống nhất việc A và Tr cùng đứng tên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông C: A cho rằng chỉ đi theo Tr, Tr bảo ký tên thì bị cáo ký; Tr thì khai do ông C tự ý ghi tên A vào bên nhận chuyển nhượng.

Bản cáo trạng số 150/CT-KSĐT ngày 07/11/2012 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận Y xác định và truy tố A về hành vi chiếm đoạt của bà N 1 lượng vàng SJC và 2.000.000đ.

Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2013/HS-ST ngày 17/9/2013 của Tòa án nhân dân Quận Y xác định bị cáo chiếm đoạt của bà N 1 lượng vàng SJC và 2.000.000đ; kết án bị cáo 1 năm 3 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Sau đó, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, còn bà N kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không thỏa đáng, để lọt tội phạm đối với bản án sơ thẩm đã nêu.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 233/2014/HSPT ngày 10/4/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội bị cáo là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; việc điều tra chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Từ nhận định đã nêu, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuyên hủy bản án hình sự sơ thẩm số 157/2013/HS-ST ngày 17/9/2013 của Tòa án nhân dân Quận Y.

Sau khi tiến hành điều tra bổ sung, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận Y ban hành Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 09/02/2015, truy tố A về hành vi trộm cắp của bà N 1 lượng vàng SJC và 2.000.000đ.

Những lời khai sau đó và tại phiên tòa xét xử ngày 17/9/2013 của Tòa án nhân dân Quận Y, bà N gửi khai trình bị mất trộm 120 lượng vàng SJC, 3.000USD và 26.000.000đ; nguồn gốc vàng mua của tiệm vàng Ngọc Tú; có lúc thì khai chỉ mua của tiệm vàng Ngọc Tú 4 dây, 40 lượng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành ghi lời khai của ông Tr, yêu cầu ông Tr khai trình về nguồn gốc số tiền mua tài sản của vợ chồng ông C, ông Tr khai rằng do ông dành dụm và một phần do đánh bạc thắng mà có (bl.255).

Qua kết quả điều tra như đã nêu cho thấy có nhiều nội dung liên quan đến vụ án nhưng chưa được cơ quan điều tra làm rõ, cụ thể:

-Theo lời khai của bị cáo A thì bị cáo đã bán 1 lượng vàng trộm cắp được cho tiệm vàng Minh Hứa nhưng Cơ quan điều tra không thu thập tài liệu và lấy lời khai người đại diện hợp pháp của chủ tiệm vàng Minh Hứa mà chỉ lấy lời khai của bà Trần Thị P tự khai nhận là vợ chủ tiệm vàng Minh Hứa;

-Ban đầu bị cáo không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của bà N và cho rằng đã ly hôn với Tr, không còn sống chung với Tr, không có tiền mua nhà đất. Tuy nhiên, khi xác định bị cáo có đứng tên cùng Tr nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông C thì bị cáo lại khai rằng do ông Tr bảo ký thì bị cáo ký, còn tiền là của Tr. Việc lý giải như đã nêu là không thuyết phục. Việc Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành Quyết định số 4501/QĐ-UBND ngày 08/12/2009, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM676289 ngày 24/3/2009 đã cấp cho ông Tr và A và cấp lại cho một mình ông Tr với lý do “*bỏ tên người thừa kế là Nguyễn Thị A*” là không đúng pháp luật.

Ông Tr khai rằng tự ông C đi làm giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Tr không đến cơ quan công chứng ký giấy tờ, tại phiên tòa, bị cáo A khai rằng bị cáo không đến Cơ quan công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Việc này có đúng hay không cũng chưa được làm rõ.

Trong quá trình điều tra, ông Tr khai không thống nhất về nguồn gốc số tiền đã dùng để thanh toán cho ông C khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã không đấu tranh làm rõ. Khi lấy lời khai ông Tr (bl.255), Điều tra viên còn đặt câu hỏi không đúng, khi yêu cầu ông Tr cho biết vào thời điểm mua đất của ông C vào ngày 26/2/2012 ông Tr có bao nhiêu tiền (trong khi thực tế thì bị cáo A và ông Tr ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông C vào năm 2009).

-Lời khai trình của bà N về về khối lượng tài sản bị mất, cũng như nguồn gốc số vàng mà bị mất là không thống nhất: Về USD, có lúc bà N khai mất 3.000USD, có lúc thì lại khai mất 4.000USD; về tiền Việt Nam thì có lúc khai mất 25.000.000đ, có lúc thì lại khai mất 26.000.000đ; về nguồn gốc 120 lượng vàng SJC, ban đầu thì bà N khai rằng mượn của người thân, sau đó thì lại khai rằng mua ở tiệm vàng Ngọc Anh, rồi sau đó lại khai rằng mua ở tiệm vàng Kim Trang và Ngọc Tú. Thậm chí, bà N còn cung cấp tài liệu để chứng minh rằng đã mua 300 lượng vàng của tiệm vàng Ngọc Tú (Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Tú). Nhưng khi cơ quan điều tra tiến hành xác minh thì bà Thúy (chủ Doanh nghiệp Ngọc Tú) cho biết không có việc giao nhận 300 lượng vàng SJC với bà N. Theo

tài liệu do bà N cung cấp thì người nhận tiền cọc để bán vàng cho bà N là ông Dương Đình O (người của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Tú) nhưng Cơ quan điều tra cũng chưa lấy lời khai của ông O để thẩm tra làm rõ việc này.

Lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị R có sự mâu thuẫn với nhau về thời gian nghe được A kể chuyện trộm cắp tài sản của bà N, cụ thể: Bà T khai rằng vào buổi trưa ngày 10/01/2010 (âm lịch), A sang nhà bà chơi và kể cho bà và bà R, ông C nghe việc trộm cắp tài sản; bà R thì lại khai rằng đã nghe được sự việc A kể lại sự việc trộm cắp vào khoảng thời gian từ 20 giờ đến 20 giờ 30 phút ngày 10/01/2010 (âm lịch); ông C thì khai rằng vào buổi trưa vào một ngày tháng 2/2010, A đến nhà của ông chơi và có kể lại sự việc trộm cắp cho ông, vợ ông và bà R nghe (bl.134).

Việc Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ những mâu thuẫn đã nêu là điều tra chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm cũng cần lưu ý: Trong phần quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “Buộc Nguyễn Thị A có trách nhiệm bồi thường cho bà Đặng Thị Thùy N 01 lượng vàng SJC = 36.850.000 đồng”. Việc tuyên như đã nêu là không rõ ràng, có thể dẫn đến việc không thể thi hành án trong trường hợp giá vàng có thay đổi và các bên có tranh chấp.

Vì các lý do đã nêu, cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét các nội kháng cáo khác.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 248, khoản 1 Điều 250 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành điều tra lại. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Quận Y để giải quyết theo thủ tục chung

2.Người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|---------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP. HCM; | (3) |
| - VKSND Quận Y; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Đương sự: (1)
- Chi Cục THA Quận Y; (2)
- TAND Quận Y; (2)
- Công an Quận Y; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (20). (4)

Trương C Huân